

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 4 - 2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hạnh và bà Trần Thị Kim Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Trần Duy T1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Duy T1 ngày 04/12/2012, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh T1 tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm bình thường, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ đầu năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên xảy ra xô xát.

Tháng 4/2020 chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở **tổ dân phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị và anh **T1** đã có nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **T1**.

Về con chung: Chị và anh **T1** có 02 con chung là cháu **Trần Sinh P**, sinh ngày 08/11/2013 và cháu **Trần Trọng Q**, sinh ngày 17/02/2019. Hiện nay cháu **Q** đang ở với chị, còn cháu **P** đang ở với anh **T1**. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu **Q**, để anh **T1** nuôi cháu **P**, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với bị đơn anh **Trần Duy T1**, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho anh **T1**; tuy nhiên anh **T1** không tới Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Tại phiên tòa, anh **Thanh vắng m** không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị T**, cho chị **T** được ly hôn anh **Trần Duy T1**. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị **T1**, giao cháu **Trần Trọng Q** cho chị **T1** trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu **Trần Sinh P** cho anh **T1** trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí, chị **T1** phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **Nguyễn Thị T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Trần Duy T1** và giải quyết về con chung; anh **Trần Duy T1** có hộ khẩu thường trú tại **thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** nên Tòa án nhân dân huyện Tam Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh **Trần Duy T1**: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh **T1** đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh **T1** đều vắng mặt. Tại phiên tòa, anh **Thanh vắng m** không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Duy T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị T1 và anh T1 là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xô xát; chị T1 và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay, không còn sự quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A, thể hiện anh T1 có hộ khẩu và đang sinh sống tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần để anh T1 đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do; điều đó chứng tỏ anh T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm, quá trình giải quyết vụ án chị T1 kiên quyết xin ly hôn anh T1. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1 đề nghị được ly hôn anh T1 là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị T1 và anh T1 có 02 con chung là cháu Trần Sinh P, sinh ngày 08/11/2013 và cháu Trần Trọng Q, sinh ngày 17/02/2019. Hiện nay cháu Q đang ở với chị T1, còn cháu P đang ở với anh T1. Ly hôn, chị T1 đề nghị được nuôi cháu Q, để anh T1 nuôi cháu P, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu P có nguyện vọng được ở với bố trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Xét thấy, chị T1 và anh T1 hiện nay đều là lao động tự do và có đủ điều kiện nuôi con. Từ tháng 4/2020 khi anh T1 và chị T1 sống ly thân thì cháu P ở cùng anh T1, còn cháu Q ở cùng chị T1; Cháu P có nguyện vọng được ở với anh T1. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định cũng như quyền, lợi ích chính đáng của các cháu cần giao cháu Q cho chị T1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu P cho anh T1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp; chị T1 và anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, công nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Duy T1.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Trọng Q, sinh ngày 17/02/2019; anh Trần Duy T1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Sinh P, sinh ngày 08/11/2013; chị T1, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006863 ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã An Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh